

Chương III

LỰA CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ THỰC HIỆN DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NGOÀI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Mục I

QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ

Điều 7. Quyết định chủ trương đầu tư

1. Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư đối với các dự án không phân biệt nguồn vốn thuộc một trong các trường hợp:

- a) Hoạt động kinh doanh cá cược, đặt cược, casino;
- b) Xây dựng và kinh doanh sân golf;
- c) Các dự án có quy mô vốn trên 5.000 tỷ đồng;
- d) Các lĩnh vực, dự án khác theo quy định của pháp luật.

2. Hồ sơ, trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ

2.1. Hồ sơ đăng ký đầu tư:

a) Thành phần hồ sơ dự án đầu tư gồm:

- Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư.
- Bản sao chứng minh nhân dân, thẻ căn cước hoặc hộ chiếu đối với nhà đầu tư là cá nhân; bản sao giấy chứng nhận thành lập hoặc tài liệu tương đương khác xác nhận tư cách pháp lý đối với nhà đầu tư là tổ chức.

- Đề xuất dự án đầu tư bao gồm các nội dung: Nhà đầu tư thực hiện dự án, mục tiêu đầu tư, quy mô đầu tư, vốn đầu tư và phương án huy động vốn, địa điểm, thời hạn, tiến độ đầu tư, nhu cầu về lao động, đề xuất hưởng ưu đãi đầu tư, đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án.

- Bản sao một trong các tài liệu sau: Báo cáo tài chính 03 năm gần nhất của nhà đầu tư; cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ; cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính; bảo lãnh về năng lực tài chính của nhà đầu tư; tài liệu thuyết minh năng lực tài chính của nhà đầu tư.

- Đề xuất nhu cầu sử dụng đất; trường hợp dự án không đề nghị Ban Quản lý giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyên mục đích sử dụng đất thì nộp bản sao thỏa thuận thuê địa điểm.

- Hợp đồng BCC đối với dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng BCC.

b) Số lượng hồ sơ: 06 bộ, trong đó 02 bộ gốc.

2.2. Trình tự giải quyết:

- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ tại Ban Đối ngoại và Xúc tiến đầu tư: Sau khi kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ, Ban Đối ngoại và Xúc tiến đầu tư ghi phiếu hẹn và tiếp nhận hồ sơ.

- Khi hồ sơ đã đầy đủ thành phần theo quy định, Ban Quản lý trình Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch để trình Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư.

2.3. Thời gian giải quyết:

Tổng thời gian giải quyết hồ sơ quyết định chủ trương đầu tư là 60 ngày làm việc, trong đó: Thời gian thẩm định là 25 ngày làm việc (thời gian lấy ý kiến các đơn vị liên quan (nếu cần) là 15 ngày làm việc); thời gian xem xét, thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư là 15 ngày làm việc, Thủ tướng Chính phủ ra quyết định chủ trương đầu tư khi hồ sơ đủ điều kiện.

Sau khi có quyết định chủ trương đầu tư, Ban Quản lý có trách nhiệm thực hiện quy trình cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (đối với trường hợp dự án phải thực hiện thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư) cho nhà đầu tư theo quy định của pháp luật.

2.4. Căn cứ chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ, nhà đầu tư tổ chức triển khai thực hiện dự án theo đúng quy định. Khi nhà đầu tư không thực hiện đúng thời hạn quy định trong quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư và các cam kết của nhà đầu tư thì Ban Quản lý sẽ thực hiện chấm dứt hoạt động đầu tư,

đề nghị cấp có thẩm quyền thu hồi chủ trương đầu tư và nhà đầu tư phải chịu trách nhiệm về các khoản kinh phí đã đầu tư.

Điều 8. Quyết định chủ trương đầu tư theo thẩm quyền của Ban Quản lý

Các quy định về đấu thầu, đấu giá sử dụng đất tại Làng Văn hóa được Trưởng Ban Quản lý ban hành theo quy định riêng.

1. Trưởng Ban Quản lý quyết định chủ trương đầu tư đối với các dự án phù hợp quy hoạch xây dựng tại Làng Văn hoá – Du lịch các dân tộc Việt Nam.

2. Hồ sơ, trình tự, thủ tục quyết định chủ trương đầu tư của Ban Quản lý

2.1. Hồ sơ đăng ký đầu tư:

a) Thành phần hồ sơ dự án đầu tư gồm:

- Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư.

- Bản sao chứng minh nhân dân, thẻ căn cước hoặc hộ chiếu đối với nhà đầu tư là cá nhân; bản sao giấy chứng nhận thành lập hoặc tài liệu tương đương khác xác nhận tư cách pháp lý đối với nhà đầu tư là tổ chức.

- Đề xuất dự án đầu tư bao gồm các nội dung: Nhà đầu tư thực hiện dự án, mục tiêu đầu tư, quy mô đầu tư, vốn đầu tư và phương án huy động vốn, địa điểm, thời hạn, tiến độ đầu tư, nhu cầu về lao động, đề xuất hưởng ưu đãi đầu tư, đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án.

- Bản sao một trong các tài liệu sau: Báo cáo tài chính 03 năm gần nhất của nhà đầu tư; cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ; cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính; bảo lãnh về năng lực tài chính của nhà đầu tư; tài liệu thuyết minh năng lực tài chính của nhà đầu tư.

- Đề xuất nhu cầu sử dụng đất; trường hợp dự án không đề nghị Ban Quản lý giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất thì nộp bản sao thỏa thuận thuê địa điểm.

- Hợp đồng BCC đối với dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng BCC.

b) Số lượng hồ sơ: 06 bộ, trong đó 02 bộ gốc.

2.2. Trình tự giải quyết:

- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ tại Ban Đối ngoại và Xúc tiến đầu tư: Sau khi kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ, Ban Đối ngoại và Xúc tiến đầu tư ghi phiếu hẹn và tiếp nhận hồ sơ.

- Ban Đối ngoại và Xúc tiến đầu tư chuyển hồ sơ đến cơ quan chức năng có thẩm quyền thẩm định. Sau khi có kết quả thẩm định, trình Trưởng Ban Quản lý xem xét, quyết định chủ trương đầu tư.

2.3. Thời gian giải quyết:

Tổng thời gian giải quyết hồ sơ quyết định chủ trương đầu tư là 15 ngày làm việc, trong đó: Thời gian thẩm định là 10 ngày làm việc (thời gian lấy ý kiến các đơn vị liên quan (nếu cần) là 04 ngày làm việc); thời gian xem xét, quyết định chủ trương đầu tư của Trưởng Ban Quản lý là 05 ngày làm việc. Trưởng Ban

Quản lý quyết định chủ trương đầu tư nếu hồ sơ đảm bảo đủ điều kiện, trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Sau khi Ban Quản lý quyết định chủ trương đầu tư, Ban Đối ngoại và Xúc tiến đầu tư có trách nhiệm thực hiện quy trình cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (đối với trường hợp dự án phải thực hiện thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư) cho nhà đầu tư theo quy định của pháp luật.

2.4. Căn cứ chủ trương đầu tư của Trưởng Ban Quản lý, nhà đầu tư tổ chức triển khai thực hiện dự án theo đúng quy định. Khi nhà đầu tư không thực hiện đúng thời hạn quy định trong quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư và các cam kết của nhà đầu tư thì Ban Quản lý sẽ thực hiện chấm dứt hoạt động đầu tư, thu hồi chủ trương đầu tư và nhà đầu tư phải chịu trách nhiệm về các khoản kinh phí đã đầu tư.

Mục II

CẤP, ĐIỀU CHỈNH, THU HỒI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ

Điều 9. Trường hợp thực hiện thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư

1. Các trường hợp phải thực hiện thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư:

1.1. Dự án đầu tư của nhà đầu tư nước ngoài.

1.2. Dự án đầu tư của tổ chức kinh tế quy định tại khoản 1 Điều 23 Luật Đầu tư số 67/2014/QH13.

2. Các trường hợp không phải thực hiện thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư:

2.1. Dự án đầu tư của nhà đầu tư trong nước.

2.2. Dự án đầu tư của tổ chức kinh tế quy định tại khoản 2 Điều 23 Luật Đầu tư số 67/2014/QH13.

2.3. Đầu tư theo hình thức góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của tổ chức kinh tế.

3. Đối với dự án đầu tư quy định tại các Điều 30, 31 và 32 Luật Đầu tư số 67/2014/QH13, nhà đầu tư trong nước, tổ chức kinh tế quy định tại khoản 2 Điều 23 Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 thực hiện dự án đầu tư sau khi được quyết định chủ trương đầu tư.

4. Trường hợp có nhu cầu cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư quy định tại điểm 2.1, 2.2 khoản 2 Điều này, nhà đầu tư thực hiện thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thẩm quyền cấp, điều chỉnh và thu hồi giấy chứng nhận đăng ký đầu tư

Ban Quản lý tiếp nhận hồ sơ đề nghị cấp, điều chỉnh và thu hồi giấy chứng

nhận đăng ký đầu tư đối với các dự án đầu tư tại Làng Văn hóa theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư

1. Đối với dự án đầu tư thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư theo quy định tại các Điều 30, 31 và 32 Luật Đầu tư số 67/2014/QH13, Ban Quản lý thực hiện thủ tục cần thiết và làm việc với các cơ quan có thẩm quyền để cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho nhà đầu tư theo quy định.

2. Đối với dự án đầu tư không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư theo quy định tại các Điều 30, 31 và 32 Luật Đầu tư số 67/2014/QH13, nhà đầu tư thực hiện thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo quy định sau đây:

2.1. Thành phần, số lượng hồ sơ: Theo quy định tại khoản 1 Điều 33 Luật Đầu tư số 67/2014/QH13.

2.2. Trình tự giải quyết:

- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ tại Ban Đối ngoại và Xúc tiến đầu tư: Sau khi kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ, Ban Đối ngoại và Xúc tiến đầu tư ghi phiếu hẹn và tiếp nhận hồ sơ.

- Ban Đối ngoại và Xúc tiến đầu tư chủ trì và phối hợp cùng Ban Kế hoạch Tài chính, Ban Quy hoạch, Kiến trúc và Môi trường kiểm tra tính hợp lệ, hợp pháp của hồ sơ làm cơ sở trình cơ quan có thẩm quyền quyết định.

2.3. Thời gian giải quyết:

- Tổng thời gian giải quyết hồ sơ cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư là 15 ngày làm việc.

- Sau khi có giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Ban Đối ngoại và Xúc tiến đầu tư có trách nhiệm gửi 01 bản cho nhà đầu tư.

Điều 12. Điều chỉnh giấy chứng nhận đăng ký đầu tư

1. Khi có nhu cầu thay đổi giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Nhà đầu tư thực hiện thủ tục điều chỉnh giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

2. Hồ sơ điều chỉnh giấy chứng nhận đăng ký đầu tư gồm:

2.1. Văn bản đề nghị điều chỉnh giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

2.2. Báo cáo tình hình triển khai dự án đầu tư đến thời điểm đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư.

2.3. Quyết định về việc điều chỉnh dự án đầu tư của nhà đầu tư.

2.4. Tài liệu quy định tại khoản 1 Điều 33 Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 liên quan đến các nội dung điều chỉnh.

3. Trình tự và thời gian giải quyết:

3.1. Trường hợp điều chỉnh giấy chứng nhận đăng ký đầu tư thuộc diện phải điều chỉnh chủ trương đầu tư:

- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ tại Ban Đối ngoại và Xúc tiến đầu tư: Sau khi kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ, Ban Đối ngoại và Xúc tiến đầu tư ghi phiếu hẹn và tiếp nhận hồ sơ.

- Khi điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư liên quan đến mục tiêu, địa điểm đầu tư, công nghệ chính, tăng hoặc giảm vốn đầu tư trên 10% tổng vốn đầu tư,

thời hạn thực hiện, thay đổi nhà đầu tư hoặc thay đổi điều kiện đối với nhà đầu tư (nếu có) theo quy định tại khoản 4 Điều 40 Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 thì Ban Đối ngoại và Xúc tiến đầu tư chủ trì, phối hợp với các cơ quan chức năng có liên quan thực hiện các thủ tục để trình cơ quan có thẩm quyền quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư trước khi thực hiện thủ tục điều chỉnh giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

- Sau khi có quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư, Ban Đối ngoại và Xúc tiến đầu tư có trách nhiệm thực hiện các thủ tục điều chỉnh giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho nhà đầu tư theo quy định.

3.2. Đối với trường hợp điều chỉnh chủ trương đầu tư (không cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư) và trường hợp khác:

- Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ tại Ban Đối ngoại và Xúc tiến đầu tư: Sau khi kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ, Ban Đối ngoại và Xúc tiến đầu tư ghi phiếu hẹn và tiếp nhận hồ sơ.

- Ban Đối ngoại và Xúc tiến đầu tư chủ trì và phối hợp cùng các Ban chức năng liên quan thẩm định; thực hiện thủ tục điều chỉnh chủ trương đầu tư.

Tổng thời gian giải quyết là 15 ngày làm việc, trong đó: Thời gian lấy ý kiến các cơ quan liên quan (nếu cần) là 04 ngày làm việc.

Sau khi điều chỉnh chủ trương đầu tư, Ban Đối ngoại và Xúc tiến đầu tư có trách nhiệm gửi 01 bản cho nhà đầu tư.

Điều 13. Thu hồi quyết định chủ trương đầu tư, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư

Ban Đối ngoại và Xúc tiến đầu tư tham mưu, báo cáo Ban Quản lý thu hồi quyết định chủ trương đầu tư và Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo thẩm quyền trong trường hợp dự án đầu tư chấm dứt hoạt động theo quy định tại Điều 48 Luật Đầu tư số 67/2014/QH13.

Mục III

BẢO ĐẢM THỰC HIỆN DỰ ÁN, TRIỂN KHAI THỰC HIỆN DỰ ÁN

Điều 14. Ký quỹ bảo đảm thực hiện dự án

1. Ký quỹ bảo đảm thực hiện dự án.

1.1. Nhà đầu tư thực hiện việc ký quỹ theo Khoản 1; Điều 27 Nghị định số 118/2015/NĐ-CP. Việc ký quỹ được thực hiện trên cơ sở thỏa thuận bằng văn bản giữa Ban Quản lý và nhà đầu tư sau khi dự án đầu tư được quyết định chủ trương đầu tư nhưng phải trước thời điểm giao đất, cho thuê. Ban Quản lý thông báo bằng văn bản cho nhà đầu tư thời gian giao đất, cho thuê đất sau 3 ngày ký quyết định chủ trương đầu tư, nếu sau 3 ngày nhà đầu tư chưa thực hiện ký quỹ Ban Quản lý sẽ xem xét, lựa chọn nhà đầu tư khác có năng lực thực hiện dự án theo quy định hiện hành.

1.2. Tiền ký quỹ bảo đảm thực hiện đầu tư dự án được nộp vào tài khoản do Ban Quản lý mở tại ngân hàng thương mại. Ban Quản lý có trách nhiệm

thông báo về địa chỉ ngân hàng, số tài khoản để nhà đầu tư nộp tiền ký quỹ.

Sau khi nhà đầu tư nộp tiền vào tài khoản, nhà đầu tư sao gửi giấy nộp tiền về Ban Quản lý để được xác nhận đã thực hiện ký quỹ làm cơ sở giao đất, cho thuê đất và triển khai các bước tiếp theo.

Vốn đầu tư của dự án theo quy định không bao gồm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất nộp cho nhà nước và chi phí xây dựng các công trình công cộng thuộc dự án đầu tư. Đối với dự án đầu tư được cho thuê đất trong từng giai đoạn, mức ký quỹ được tính theo vốn đầu tư của dự án tương ứng với từng giai đoạn giao đất, cho thuê đất.

1.3. Khi nhà đầu tư triển khai thực hiện đầu tư theo đúng nội dung, tiến độ trong quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư của Ban Quản lý; căn cứ kết quả triển khai dự án, nhà đầu tư làm thủ tục xác nhận của Ban Quản lý để hoàn trả tiền ký quỹ.

1.4. Mức ký quỹ được tính bằng tỷ lệ phần trăm trên vốn đầu tư của dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo nguyên tắc lũy tiến từng phần.

- a) Đối với phần vốn đến 300 tỷ đồng, mức ký quỹ được áp dụng là 3%;
- b) Đối với phần vốn trên 300 tỷ đồng đến dưới 1.000 tỷ đồng, mức ký quỹ được áp dụng là 2%;
- c) Đối với phần vốn trên 1.000 tỷ đồng, mức ký quỹ áp dụng là 1%.
- d) Nhà đầu tư được giảm tiền ký quỹ trong các trường hợp sau:

- Giảm 25% số tiền ký quỹ đối với dự án đầu tư thuộc ngành, nghề ưu đãi đầu tư; dự án đầu tư thực hiện trong khu công nghiệp, khu chế xuất, kể cả dự án đầu tư xây dựng, kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất;

- Giảm 50% số tiền ký quỹ đối với dự án đầu tư thuộc ngành, nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư; dự án đầu tư thực hiện trong khu công nghệ cao, khu kinh tế, kể cả dự án đầu tư xây dựng, kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghệ cao, khu kinh tế.

2. Hoàn trả tiền ký quỹ:

2.1. Hoàn trả 50% số tiền ký quỹ tại thời điểm nhà đầu tư hoàn thành thủ tục giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyên mục đích sử dụng đất và được cấp các giấy phép, chấp thuận khác theo quy định của pháp luật để thực hiện hoạt động xây dựng (nếu có) không chậm hơn tiến độ quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc văn bản quyết định chủ trương đầu tư;

2.2. Hoàn trả số tiền ký quỹ còn lại và tiền lãi phát sinh từ khoản ký quỹ (nếu có) tại thời điểm nhà đầu tư hoàn thành việc nghiệm thu công trình xây dựng và lắp đặt máy móc, thiết bị để dự án đầu tư hoạt động không chậm hơn tiến độ quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc văn bản quyết định chủ trương đầu tư;

2.3. Trường hợp giảm vốn đầu tư của dự án, nhà đầu tư được hoàn trả số tiền ký quỹ tương ứng với số vốn đầu tư giảm theo quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (điều chỉnh) hoặc văn bản quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư;

2.4. Trường hợp dự án đầu tư không thể tiếp tục thực hiện vì lý do bất khả kháng hoặc do lỗi của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong quá trình thực hiện các thủ tục hành chính, nhà đầu tư được xem xét hoàn trả khoản tiền ký quỹ theo thỏa thuận với Cơ quan đăng ký đầu tư.

2.5 Trường hợp điều chỉnh dự án đầu tư làm thay đổi các điều kiện ký quỹ, Cơ quan đăng ký đầu tư và nhà đầu tư thỏa thuận điều chỉnh việc ký quỹ theo quy định tại Điều này.

3. Thủ tục hoàn trả tiền ký quỹ: Trên cơ sở hồ sơ đề nghị của nhà đầu tư, Ban Quản lý sẽ tổ chức thẩm định và thực hiện việc hoàn trả tiền ký quỹ cho nhà đầu tư.

3.1. Thành phần hồ sơ hoàn trả tiền ký quỹ:

- a) Văn bản đề nghị hoàn trả tiền ký quỹ của nhà đầu tư.
- b) Bản sao công chứng biên bản bàn giao đất tại thực địa hoặc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc hợp đồng thuê đất (đối với hoàn trả lần thứ nhất).
- c) Xác nhận đã hoàn thành dự án đầu tư của Ban Quản lý.
- d) Báo cáo kết quả thực hiện dự án đầu tư đến thời điểm đề nghị hoàn trả tiền ký quỹ.

Điều 15. Chuyển nhượng dự án đầu tư

1. Nhà đầu tư có quyền chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án đầu tư cho nhà đầu tư khác khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

- a) Không thuộc một trong các trường hợp bị chấm dứt hoạt động theo quy định tại khoản 1 Điều 48 của Luật Đầu tư số 67/2014/QH13;
- b) Đáp ứng điều kiện đầu tư áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài trong trường hợp nhà đầu tư nước ngoài nhận chuyển nhượng dự án thuộc ngành, nghề đầu tư có điều kiện áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài;
- c) Tuân thủ các điều kiện theo quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật về kinh doanh bất động sản trong trường hợp chuyển nhượng dự án gắn với chuyển nhượng quyền sử dụng đất;
- d) Điều kiện quy định tại giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc theo quy định khác của pháp luật có liên quan (nếu có).

2. Trường hợp chuyển nhượng dự án, nhà đầu tư nộp hồ sơ đến Ban Đối ngoại và Xúc tiến đầu tư tiếp nhận và tổ chức thẩm định, trình Ban Quản lý quyết định; thành phần hồ sơ, thời gian giải quyết theo quy định của Nhà nước và kèm theo hợp đồng chuyển nhượng dự án đầu tư.

Điều 16. Giãn tiến độ đầu tư

1. Trường hợp giãn tiến độ đầu tư, nhà đầu tư đề xuất bằng văn bản đến Ban Đối ngoại và Xúc tiến đầu tư (khi giãn tiến độ thực hiện vốn đầu tư, tiến độ xây dựng và đưa công trình chính vào hoạt động...).

2. Nội dung đề xuất giãn tiến độ:

2.1. Tình hình hoạt động của dự án đầu tư và việc thực hiện nghĩa vụ tài chính với nhà nước từ khi được quyết định chủ trương đầu tư đến thời điểm giãn tiến độ.

2.2. Giải trình lý do và thời hạn giãn tiến độ thực hiện dự án.

2.3. Kế hoạch tiếp tục thực hiện dự án, bao gồm kế hoạch góp vốn, tiến độ xây dựng cơ bản và đưa dự án vào hoạt động.

2.4. Cam kết của nhà đầu tư về việc tiếp tục thực hiện dự án.

3. Tổng thời gian giãn tiến độ đầu tư không quá 12 tháng. Trường hợp bất khả kháng thì thời gian khắc phục hậu quả bất khả kháng không tính vào thời gian giãn tiến độ đầu tư.

4. Tổng thời gian giải quyết là 15 ngày làm việc, trong đó: Thời gian thẩm định là 10 ngày làm việc (gồm thời gian lấy ý kiến các đơn vị liên quan là 04 ngày làm việc); thời gian quyết định của Ban Quản lý là 05 ngày làm việc.

Sau khi Ban Quản lý có ý kiến bằng văn bản, Ban Đối ngoại và Xúc tiến đầu tư có trách nhiệm gửi 01 bản cho nhà đầu tư.

